

Kỹ nghệ sơ kỳ Đá cũ An Khê với thời kỳ nguyên thủy Việt Nam

Nguyễn Khắc Sử¹

¹ Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: nguyen_khacsu@yahoo.com

Nhận ngày 19 tháng 01 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 3 năm 2017.

Tóm tắt: Kỹ nghệ An Khê có niên đại từ 700.000 đến 900.000 năm cách ngày nay (BP). Phát hiện kỹ nghệ An Khê đã cung cấp cho chúng ta nhiều tư liệu mới, làm thay đổi một số nhận thức về lịch sử văn hóa giai đoạn cổ xưa nhất của nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng. Công cuộc nghiên cứu các di tích sơ kỳ Đá cũ An Khê sẽ còn tiếp tục nhiều năm nữa trong chương trình hợp tác Việt - Nga. Đã đến lúc chúng ta cần có một chiến lược quản lý bảo vệ di tích, nghiên cứu khoa học, đào tạo chuyên gia và gắn nghiên cứu khoa học với chương trình phát triển kinh tế xã hội Tây Nguyên.

Từ khóa: Kỹ nghệ Đá cũ, thời nguyên thủy, di tích khảo cổ, Tây Nguyên.

Abstract: The An Khe industry dates back to from 700,000 to 900,000 years ago (BP). Findings of the industry provide us with plenty of information, changing a number of perceptions on the culture and history of the oldest period of mankind in general and Vietnam in particular. The studies of the An Khe Lower Palaeolithic relics will be continued for many more years within the framework of the Vietnam - Russia cooperative programme. It is time Vietnam had a strategy for relic management and protection, scientific research and expert training. The country needs also to link scientific research with the socio-economic development programme of Tay Nguyen, or the Central Highlands.

Keywords: Lower Palaeolithic industries, primitive times, archaeological relics, the Central Highlands.

1. Mở đầu

Các di tích Đá cũ ở thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai được phát hiện năm 2014, gồm 5 địa điểm: Gò Đá, Rộc Tung, Rộc Gáo, Rộc Lớn và Rộc Hương [8, tr.47-63]. Đến năm 2016 đã phát hiện mới 16 địa điểm, nâng tổng số

lên 21 địa điểm. Trong đó, di tích Gò Đá được khai quật 2 lần, với tổng diện tích 94m², di tích Rộc Tung được khai quật 2 điểm với tổng diện tích 88m². Các cuộc khai quật này do cán bộ Viện Khảo cổ học, Sở Văn hóa Thể thao - Du lịch Gia Lai và Viện Khảo cổ học - Dân tộc học Novosibirsk,

Viện Hàn lâm khoa học Liên bang Nga phối hợp thực hiện trong các năm 2015-2016.

Các di tích Đá cũ An Khê phân bố trên các đồi, gò cao trung bình 420m-450m, vốn là thềm cổ sông Ba. Đây là một trong 21 tiểu vùng địa lý của Tây Nguyên - mang tên trũng An Khê, vùng chuyển tiếp từ cao nguyên Pleiku phía tây xuống đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ. Tầng văn hóa di tích Gò Đá dày trung bình 25cm, đất sét lẫn sỏi sạn, laterit, đá granite bị phong hóa tại chỗ (eluvi), đôi nơi có hiện tượng rửa trôi. Trong các hố khai quật Gò Đá đã thu được 111 hiện vật đá (17 mũi nhọn, 10 chopper, 26 nạo, 4 hòn ghè, 1 chày, 6 công cụ mảnh, 20 mảnh tước và 27 hạch đá) cùng 21 mảnh thiên thạch. Tầng văn hóa di tích Rộc Tung dày trung bình 30cm-35cm, cấu tạo đất sét, đá granite phong hóa tại chỗ, được bảo tồn khá nguyên vẹn. Ở đây thu được 123 hiện vật đá (8 mũi nhọn, 5 chopper, 6 nạo, 1 ghè hết một mặt, 2 hòn ghè, 37 mảnh tước, 27 hạch đá) và 127 mảnh thiên thạch.

Ngoài các di vật trong hố khai quật, từ năm 2014 đến năm 2016 đã thu thập trên bề mặt hoặc trong hố thám sát ở các địa điểm Đá cũ khu vực An Khê được 415 di vật đá, gồm: 21 chopper, 12 công cụ ghè hai mặt, 7 rìu tay, 57 mũi nhọn, 10 công cụ mũi nhọn tam diện, 47 công cụ ghè một mặt, 13 dao, 39 nạo, 22 hòn ghè, 73 hạch đá cùng 70 viên đá có vết ghè và 44 mảnh tước. Những công cụ ở đây đều được làm từ cuội sông suối, kích thước lớn, chất liệu chủ yếu là đá quartz, quartzite hoặc đá sét silic, có độ cứng và độ dẻo cao, trên thân công cụ có những vết ghè thô sơ của con người và bị phủ một lớp patine dày.

Bài viết hệ thống hóa tư liệu khai quật ở các địa điểm Đá cũ vùng An Khê, tỉnh Gia

Lai; xác định một số đặc trưng cơ bản của kỹ nghệ An Khê.

2. Kỹ nghệ An Khê

Trong các di tích An Khê một số loại hình công cụ tiêu biểu (như ghè hai mặt - rìu tay, ghè hết một mặt, mũi nhọn tam diện và chày thô) là cơ sở nhận diện đặc trưng, tính chất, niên đại kỹ nghệ An Khê.

Công cụ rìu tay là loại hình công cụ đặc biệt trong nhóm công cụ ghè hai mặt². Công cụ ghè hai mặt có mặt trong hầu khắp các địa điểm Đá cũ An Khê, song số lượng không nhiều (12/649 hiện vật của toàn sưu tập). Trong đó có 7 rìu tay (3 chiếc ở Gò Đá, 4 chiếc còn lại ở Rộc Lớn, Rộc Gáo, Rộc Hương và Rộc Tung - mỗi nơi 1 chiếc).

Công cụ rìu tay An Khê được làm từ đá cuội quartzite, kích thước lớn, tiêu biểu là loại có thân hình mũi lao với một đầu thuôn nhọn, đốc cầm tròn; vết ghè tập trung ở 2/3 thân kể từ đầu nhọn, ghè 2 mặt, vết ghè từ rìa vào trung tâm, tạo ra một đường nổi cao chạy từ đầu nhọn đến gần đốc cầm, dày ở giữa và mỏng dần về hai rìa. Các vết ghè nhỏ, đan nhau, tạo rìa lưỡi zích zắc. Rìu tay An Khê khá lớn và tập trung trong số đo trung bình: thân dài 20,7cm, rộng 11,9cm, dày 7,4cm, nặng 1,9kg.

Công cụ ghè hết một mặt có số lượng khá lớn (47/649 chiếc), tiêu biểu là các di vật tìm thấy ở Rộc Lớn, Rộc Tung và Rộc Hương. Chúng đều được làm từ viên cuội lớn gần hình bầu dục (đá quartzite), được ghè gần hết một mặt lớn; còn mặt lớn kia giữ nguyên vỏ cuội. Vết ghè tập trung ở hai rìa cạnh vào, tạo ra một rìa sử dụng cong lồi; một đầu còn vỏ cuội làm đốc cầm. Hai rìa cạnh ghè từ mặt cuội sang, vết ghè nhỏ, chuẩn xác. Độ

dày thân từ đốc lên đầu nhọn mỏng dần, mặt cắt ngang thân kỹ nghệ hình gần bầu dục dẹt. Trung bình thân dài 17,82cm, rộng 13,6cm, dày 8,4cm và nặng 2,3kg.

Công cụ ghè hết một mặt xuất hiện trong một số di tích sơ kỳ Đá cũ thế giới. Ở văn hóa Soan (Ấn Độ), niên đại sơ kỳ Đá cũ đã xuất hiện loại công cụ ghè hết một mặt (rìa lưỡi vát về một phía, có đốc cầm to và hai cạnh hai bên gần song song nhau; mặt cắt ngang gần hình chữ nhật). Loại công cụ này được gọi là bôn tay. Loại bôn tay này chưa xuất hiện trong sưu tập đồ đá An Khê.

Công cụ mũi nhọn chiếm số lượng lớn trong kỹ nghệ An Khê với 82/649 chiếc. Trong đó, đa số là loại mũi nhọn, thân mỏng (67 chiếc), số còn lại 15 chiếc là công cụ đầu nhọn được tạo ra từ loại hình khối tam diện, ba mặt phẳng kẹp một đầu nhọn. Chúng được làm từ đá cuội quartzite, kích thước lớn. Ở loại cuội có sẵn 2 mặt phẳng giao nhau thành một góc tù, người xưa ghè thêm một mặt phẳng nữa. Còn ở viên cuội chỉ có một mặt phẳng tự nhiên, thì người xưa ghè thêm 2 mặt phẳng nữa. Những vết ghè ở đây thường nhỏ, đều đặn và hướng tâm; tạo ra một đầu nhọn khỏe và một đốc cầm to, mặt cắt ngang thân gần tam giác cân. Kích thước trung bình loại công cụ này khá lớn: thân dài 19,8cm, rộng ngang 11,9cm, thân dày 8,07cm và nặng 2,32kg.

Công cụ chặt thô có 15 chiếc trong hồ khai quật và 21 chiếc sưu tập. Chúng được làm từ viên đá cuội quartz hoặc quartzite; có kích thước lớn, thân hình bầu dục. Vết ghè ở công cụ này tập trung ở một đầu hẹp của viên cuội, với kỹ thuật ghè một mặt, từ mặt cuội này sang mặt kia, hoặc ghè hai mặt. Vết ghè tạo lưỡi to và sâu; rìa lưỡi có vết ghè nhỏ, đều đặn, rìa lưỡi cong lồi. Đầu đối diện giữ nguyên vỏ cuội làm đốc cầm.

Trên thân còn giữ lại tối đa vỏ cuội tự nhiên. Kích thước trung bình: thân dài 19,2cm, rộng 11,7cm, dày 9,0cm, nặng 2,4kg.

Ngoài các loại hình trên, trong kỹ nghệ An Khê còn có dao, nạo, hòn ghè, hạch đá, công cụ mảnh tước, đá cuội có vết ghè.

3. Kỹ nghệ An Khê với các kỹ nghệ Đá cũ khác ở Việt Nam

3.1. Kỹ nghệ An Khê với kỹ nghệ Núi Độ

Kỹ nghệ Núi Độ (Thanh Hóa) được phát hiện năm 1960, gồm 3 sưu tập vào các năm 1961, 1963 và 1968 với tổng số 2.684 hiện vật. Chúng được thu thập trên mặt sườn phía đông Núi Độ, ở độ cao 20-80m, bằng đá basalte, gồm các loại hình: rìu tay, chặt thô, nạo, phác vật rìu, hạch đá và mảnh tước. Mảnh tước chiếm trên 95% tổng số hiện vật đá (trong đó mảnh tước Clacton là chủ yếu, còn mảnh tước Levallois chỉ chiếm 1,3-4,7%). Hạch đá chiếm 2,7%, số còn lại là rìu tay, nguyên rìu tay, chặt thô và bôn tay (đều dưới 1%).

Rìu tay Núi Độ có 7 chiếc, đều được làm từ đá basalte, có kích thước lớn, với chiều dài từ 16,5cm đến 21,2cm, trọng lượng từ 1,0 đến 2,0kg; được ghè hai mặt (vết ghè thô sơ, hầu như không được tu chỉnh với hình dáng gần với rìu tay Acheulean). Trong sưu tập Núi Độ còn có 6 rìu tay (ghè hai mặt, vết ghè thô gọi lại hình rìu tay, nhưng hình dáng không qui chuẩn). Chopper có gần 100 chiếc. Chúng được làm từ mảnh đá basalte, hình dáng không ổn định, có một rìa lưỡi (với những vết ghè trên một mặt, tạo một đoạn rìa lưỡi, còn đầu kia làm đốc cầm).

Ở Núi Độ còn có 22 bôn tay (thân gần hình khối chữ nhật, mặt cắt ngang gần chữ

nhật hoặc hình elip, vết ghè nhỏ tập trung ở 2 rìa cạnh và một đầu). Về hình dáng, chúng gần giống với các phác vật rìu tứ giác ở di chỉ xưởng thời đại Kim khí như Đông Khối và Cồn Chân Tiên gần Núi Đọ. Đa số ý kiến xem Núi Đọ là di chỉ - xưởng của cư dân sơ kỳ Đá cũ, tương đương với kỹ nghệ từ Chellean đến Acheulean, thuộc trung kỳ Pleistocene, có tuổi khoảng 400.000 năm BP [10], [1], [2]. Trong các hố khai quật Núi Đọ và Núi Nuông đều đã tìm thấy phác vật rìu tứ giác giai đoạn sơ kỳ Kim Khí. Từ đó, có ý kiến cho rằng, Núi Đọ là di tích của nhiều thời đại, trong đó còn là công xưởng khai thác và sơ chế rìu tứ giác giai đoạn Kim khí [7].

Kỹ nghệ An Khê khác với kỹ nghệ Núi Đọ. Trước hết, chất liệu chế tác công cụ ở Núi Đọ là đá basalte, còn ở An Khê là đá cuội, chất liệu quartzite hoặc sét silic. Về kỹ thuật, ở An Khê hầu như không có kỹ thuật tách mảnh tước kiểu Clacton hoặc Levallois như Núi Đọ, không có nguyên rìu tay và bôn tay như Núi Đọ. Ngược lại, ở Núi Đọ không có công cụ ghè hai mặt và công cụ hình khối tam diện như An Khê.

Rìu tay có mặt ở hai nơi, song khác nhau về kỹ thuật chế tác và hình dáng. Rìu tay An Khê có dáng gần hình mũi lao (vết ghè tập trung ở 2/3 độ dài thân với hai rìa cạnh gần thẳng, thu hẹp dần về đầu nhọn, đầu kia giữ lại cuội tự nhiên làm đốc cầm; trên hai mặt lớn tách mảnh, bóc hết vỏ cuội tự nhiên). Trong khi đó, rìu tay Núi Đọ có dáng gần hình trứng (có hai rìa cạnh cong lồi, trên thân không có dấu tu chỉnh). Đầu mũi rìu tay Núi Đọ là góc tù, đôi khi nhọn, đốc rộng và cong lồi. Về loại hình học, rìu tay An Khê có nét khác và cổ hơn rìu tay Núi Đọ. Nếu như rìu tay Núi Đọ gần với kỹ

nghệ Acheulean điển hình, thì rìu tay An Khê gần với rìu tay tìm thấy ở Châu Phi.

3.2. Kỹ nghệ An Khê với kỹ nghệ Xuân Lộc

Kỹ nghệ Xuân Lộc (Đồng Nai) được E.Saurin phát hiện và công bố vào các năm 1968, 1971, với 2 địa điểm là Nhân Gia (hay Hàng Gòn VI) và Dầu Giây ở vùng Xuân Lộc (Đồng Nai) [16]. Sau năm 1975, các nhà khảo cổ Việt Nam đã sưu tầm thêm một số di vật đá ở Đồi Sáu Lẻ, Suối Đá, Suối Đất, Cẩm Tiên, Cầu Sắt, Gia Tân và An Lộc. Các di vật này đều thu thập trên mặt, không có địa tầng và được xếp cùng niên đại với Nhân Gia và Dầu Giây [3].

Theo E.Saurin, ở Nhân Gia có 3 rìu tay, giống rìu tay Acheulean điển hình, cùng 5 công cụ tam diện, 3 công cụ nhiều mặt, 1 mũi nhọn, 1 nạo, 1 công cụ hình rìu và 1 hòn ném; còn ở Dầu Giây phát hiện được 1 rìu tay, 2 nạo, 1 mũi nhọn và 1 công cụ tam diện. Trong số biface tìm thấy ở Nhân Gia có 3 chiếc ghè một mặt và 2 chiếc ghè hai mặt (hình dáng giống với Acheulean điển hình). Biface thứ nhất ở đây có thân dài 11,0cm, rộng 9,0cm, dày nhất 4,2cm; chiếc thứ hai dài 10,8cm, rộng 7,7cm, dày nhất 3,8cm và chiếc thứ ba dài 10,0cm, rộng 6,2cm, dày nhất 3,0cm.

Công cụ tam diện ở Nhân Gia có 5 chiếc (một mặt còn vỏ đá basalte tự nhiên, hai mặt kia được ghè tạo 2 mặt phẳng và 1 đầu nhọn). Chiếc thứ nhất dài 15,8cm, rộng 9,8cm, dày 7,8cm; chiếc thứ hai dài 15,0cm, rộng 9,8cm, dày 7,0cm; chiếc thứ ba dài 11,0cm, rộng 7,1cm, dày 5,2cm; chiếc thứ tư dài 10,7cm, rộng 6,0cm, dày 4,5cm; và chiếc thứ năm dài 10,2cm, rộng 7,2cm, dày 4,3cm. Trong số này, chiếc đầu tiên ghè 2 mặt, tạo dáng gần với rìu tay giai đoạn

Abbevillo-Acheulean và giống với rìu tay trong kỹ nghệ Patjitanien (Java, Indonesia). Trong sưu tập Dầu Giây có 1 rìu tay; nó được làm từ đá basalte (hình cá thồn bơn, ghe hai mặt, thân dài 10,7cm, rộng 6,7cm, dày 3,2cm). Kỹ thuật chế tác chiếc rìu này có vẻ tiến bộ hơn những công cụ ghe hai mặt ở Nhân Gia.

Theo E.Saurin, những biface Nhân Gia đặc trưng cho Acheulean cổ điển, còn rìu tay Dầu Giây thuộc giai đoạn Acheuléen phát triển. Về niên đại địa chất, những di vật này tìm thấy trên thềm đất đỏ (tương ứng với thềm 35-40m của sông Mekong, thềm có tuổi từ Mindel đến đầu Mindel-Riss, khoảng 650.000 BP. So sánh với kỹ nghệ sơ kỳ Đá cũ Đông Nam Á, trong đó có Núi Độ, E.Saurin cho rằng, Xuân Lộc là di tích sơ kỳ Đá cũ Đông Dương [16].

Tháng 8/2016, khảo sát vùng Xuân Lộc chúng tôi ghi nhận rằng, các sưu tập Đá cũ hiện biết đều thu lượm trên mặt, không có địa tầng. Về kỹ thuật chế tác và hình dáng công cụ, duy nhất có 1 biface do Đào Linh Côn sưu tầm ở đồi Sáu Lẻ giống với những biface do E.Saurin công bố trước đây; số còn lại phần lớn là đá tự nhiên, không có dấu vết gia công chế tác của con người.

Rìu tay và mũi nhọn Xuân Lộc khác hẳn với di vật cùng loại ở An Khê về chất liệu, kích thước, đặc biệt về hình thái kỹ thuật. Rìu và mũi nhọn đá Xuân Lộc nhỏ bằng 1/2 di vật cùng loại ở An Khê, còn về hình dáng, rìu tay Xuân Lộc gần hình bầu dục (mặt cắt ngang và mặt bổ dọc hình thấu kính; mũi nhọn tam diện ở vùng Xuân Lộc không rõ dấu vết ghe dẽo). Về hình dáng, cái gọi là “rìu tay” ở vùng Xuân Lộc giống rìu hình bầu dục tìm thấy trong các cuộc khai quật gần đây ở Tây Nguyên như Làng Gà (Gia Lai), Buôn Kiều (Đắk Lắk), Thôn

Tám (Đắk Nông), Eo Bông (Phú Yên) và Định Quán (Đồng Nai). Trong đó, địa điểm Buôn Kiều (Đắk Lắk) có niên đại C14 từ 4.500 đến 2.300 năm BP [4]. Năm 2011, Phạm Quang Sơn cho rằng, cái gọi là rìu tay sơ kỳ Đá cũ Xuân Lộc chỉ là rìu hình bầu dục, mang yếu tố kỹ thuật Hòa Bình muộn, niên đại Đá mới giữa [6].

4. Kỹ nghệ An Khê với một số kỹ nghệ rìu tay sơ kỳ Đá cũ ngoài Việt Nam

4.1. Kỹ nghệ An Khê với kỹ nghệ Acheulean

Kỹ nghệ Acheulean mang tên địa điểm Acheule ở Pháp, gần Amiens, thuộc thềm giữa sông Sommer. Công cụ tiêu biểu là rìu tay làm từ đá lửa, ghe hai mặt (có một lưỡi mỏng nhọn, đốc cầm rộng và dày, thân bằng). Rìu tay có nhiều loại hình: tam giác, trái tim, quả hạnh nhân, mũi lao, hình trứng, hình đĩa, ê líp... (tiêu biểu nhất là hình mũi lao để chặt, cắt hoặc đào bới) [11], [12]. Cùng với rìu tay, trong kỹ nghệ Acheulean còn có công cụ mũi nhọn và công cụ mảnh tước kiểu Moustier. Vào giai đoạn giữa, xuất hiện mảnh tước Levallois và hòn ném. Văn hóa Acheulean có niên đại khoảng 500.000 năm BP. Những rìu tay cổ xưa hơn kỹ nghệ Acheulean đã tìm thấy ở địa điểm Chelles, gần Paris (chúng nằm cùng mảnh tước to thô Clacton và quần động vật hóa thạch hoặc trong địa tầng Abbevillan có tuổi cuối sơ kỳ Cánh tân). Những chiếc rìu tay ghe hai mặt xuất hiện khá sớm ở Nam Ethiopia (Châu Phi), có tuổi từ 1,4 đến 1,2 triệu năm. Có thể những người sử dụng rìu tay ở Châu Phi đã di chuyển sang Pháp và Anh, nơi rìu tay có tuổi sớm nhất vào khoảng 750.000 năm BP.

Khác với rìu tay Acheulean, rìu tay An Khê được làm từ đá cuội (trên thân còn bảo lưu một ít vỏ cuội tự nhiên, đốc cầm to, gần tròn); còn rìu tay Acheulean làm từ đá trầm tích, chủ yếu là đá silic (ghè hết vỏ tự nhiên, đốc rìu vát mỏng). Thân rìu An Khê còn bảo lưu những vết ghè lớn, hầu như không tu chỉnh; còn rìu Acheulean có nhiều vết ghè nhỏ, dấu tu chỉnh đều đặn, cân đối. Rìu tay An Khê có mặt bổ dọc hình nêm, mặt cắt ngang gần hình bầu dục; còn rìu Châu Âu mặt bổ dọc hình nêm, mặt cắt ngang gần hình thấu kính. Nhìn chung, rìu tay An Khê không qui chuẩn như rìu Acheullian điển hình.

4.2. Kỹ nghệ An Khê với kỹ nghệ Bách Sắc

Rìu tay cũng đã tìm thấy trong một số địa điểm sơ kỳ Đá cũ Trung Quốc như: Đình Thôn, Hợp Hà, Chu Khẩu Điểm, đặc biệt là Bách Sắc. Đến nay đã phát hiện được trên 40 địa điểm thuộc kỹ nghệ Bách Sắc, phân bố trong thung lũng Bắc Sắc, dọc đôi bờ sông Hữu Giang, thuộc đất 5 huyện: Bách Sắc, Diên Đông, Diên Dương, Bình Quả và Diên Lâm, tỉnh Quảng Tây.

Đặc trưng kỹ nghệ Bách Sắc là sự hiện diện của công cụ mũi nhọn, chopper, nạo, biface và rìu tay (được làm từ đá cuội, kích thước lớn, ghè trực tiếp, trên đe, rất ít mảnh tước). Hiện nay có 4 địa điểm tìm thấy rìu tay, đó là Dương Thụ (Feng shu dao), Na Lai, Nam Bán Sơn (Nan ban shan), Bì Hồng (Pohong). Rìu tay được phân bố trong thềm bậc IV sông Hữu, có tuổi trung kỳ Pleistocene. Năm 1993, một mẫu thiên thạch (ở địa điểm Bách Cốc, thôn Đại Hòa, thuộc kỹ nghệ Bách Sắc) được xác định có tuổi là 732.000 ± 39.000 năm BP. Mới đây, một mẫu thiên thạch khác của kỹ nghệ Bách

Sắc có tuổi là 803.000 ± 3.000 năm BP. Các nhà khảo cổ Trung Quốc cho rằng, Bách Sắc là đại diện cho kỹ nghệ rìu tay sơ kỳ Đá cũ cổ nhất được biết ở vùng Đông Á [5], [8].

Tháng 9/2016, chúng tôi tiến hành khảo sát một số di tích và sưu tập hiện vật Bách Sắc. Giữa An Khê và Bách Sắc giống nhau về cảnh quan môi trường, cùng là các đồi gò thung lũng sông, đều thuộc vùng chuyển tiếp từ cao nguyên xuống đồng bằng. Bách Sắc là cao nguyên Vân Quý và thung lũng sông Hữu (Quảng Tây); còn An Khê là cao nguyên Pleiku xuống vùng trũng sông Ba (Gia Lai). Về địa tầng có cấu trúc khác nhau: Ở An Khê, tầng văn hóa cấu tạo từ đá granite phong hóa tại chỗ, còn ở Bách Sắc tầng văn hóa ở cấu tạo từ phù sa sông có sự chuyển dịch ngắn. Cả hai đều không còn dấu vết cổ sinh hóa thạch động vật và người.

Cả hai đều thuộc kỹ nghệ công cụ cuội (chủ yếu là đá quartzite và quartz, loại đá chất lượng cao); cùng tồn tại các loại công cụ: mũi nhọn, ghè một mặt, ghè hai mặt và rìu tay. Số lượng rìu tay cả hai đều không nhiều, nhưng giống nhau về kích thước, kỹ thuật ghè và hình dáng. Về các loại hình mũi nhọn, 2 bên có một vài nét khác biệt. Ở địa điểm Na Lai (Bách Sắc) công cụ mũi nhọn có đầu nhọn kẹp giữa hai rìa cạnh, được ghè dài, ngắn khác nhau nhau (có mặt lưng còn vỏ cuội và cong lồi, khiến đầu nhọn hơi cong hất lên so với trục thân, thuận tiện cho chức năng đào móc đất). Loại mũi nhọn này không có ở An Khê. Ngược lại, ở An Khê có công cụ mũi nhọn hình khối tam diện rất đặc trưng và hầu như ít gặp trong kỹ nghệ Bách Sắc. Những công cụ ghè hết một mặt ở An Khê chiếm tỷ lệ cao hơn so với Bách Sắc. Cả hai nơi có nhiều hạch đá, nhưng đều hiếm công cụ mảnh tước. Những mảnh tước ở cả hai nơi

đều không đặc trưng cho kỹ thuật Claton hay Levallois như Châu Âu. Tóm lại, kỹ nghệ An Khê và kỹ nghệ Bách Sắc có nhiều nét tương đồng về kỹ thuật - loại hình, do đó tuổi của hai kỹ nghệ này có thể tương đương nhau, đều khác và cổ hơn kỹ nghệ Acheulean Châu Âu.

4.3. Kỹ nghệ An Khê với một số kỹ nghệ rìu tay khác ở Châu Á

Ở Hàn Quốc trong di chỉ Chongok-ni, đã tìm thấy kỹ biface, rìu tay, mũi nhọn, nạo, đá hình cầu, chopping-tool, dao và dao khắc trong tầng đất sét màu đỏ dày 3m. Rìu tay Chongok-ni thuộc loại Acheulean muộn, có tuổi tuyệt đối 130.000 năm BP và có thể cùng thời với kỹ nghệ Đình Thôn, Trung Quốc [9]. Trên cao nguyên Potwar vùng Punjab của Ấn Độ và Pakistan đã tìm thấy biface, công cụ mũi nhọn, nạo, hạch đá, mảnh tước to thô, đặc biệt là bôn tay (đặc trưng cho kỹ nghệ Soanian, trung kỳ Pleistocene) [15]. Về loại hình, những bôn tay và công cụ mũi nhọn ở đây khác với kỹ nghệ An Khê. Ở Đông Nam Á, biface cổ nhất được tìm thấy ở Indonesia. Theo T. Simanjuntak và các đồng nghiệp, những rìu tay ở đây mang đặc trưng kỹ nghệ Acheulean điển hình, có tuổi khoảng 0,8 triệu năm BP, song kỹ nghệ chopper - chopping tools vùng này vẫn là chủ đạo [17].

Trong tình hình tư liệu hiện nay, có thể nghĩ rằng, sự xuất hiện những biface ở Đông Nam Á và nam Trung Quốc, không liên quan đến sự xâm nhập của cư dân thuộc kỹ nghệ Acheulean vào lãnh thổ này. Kỹ nghệ biface ở Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, khá gần gũi với kỹ nghệ biface nam Trung Quốc và có niên đại sớm. Đây

là kết quả của sự hội tụ hoặc là do tiếp xúc với các cư dân sử dụng rìu tay sớm khác trên cự lực địa, còn nghiên cứu. Sự khác nhau về loại hình rìu tay giữa An Khê với các nơi khác của cự lực địa phản ánh sự tương thích giữa con người với môi trường, sự phát triển đồng qui, độc lập giữa các vùng khác nhau. Dĩ nhiên trong quá trình phát triển có ảnh hưởng nào đó về loại hình kỹ thuật học.

5. Kết luận

Thứ nhất, Kỹ nghệ An Khê gồm tổ hợp công cụ chặt thô, ghè hết một mặt, con dao, cái nạo, mũi nhọn hình khối tam diện, ghè hai mặt và rìu tay (được làm từ đá cuội, chất liệu quartz hoặc quartzite với độ cứng cao, kích thước lớn, chế tác bằng kỹ thuật đá ghè đá). Kỹ nghệ An Khê được đặc trưng bởi phức hợp: chặt thô/mũi nhọn - hình khối tam diện/ghè hai mặt - rìu tay. Trong phức hợp này, chặt thô chủ yếu tìm thấy ở khu vực Châu Á, ghè hai mặt - rìu tay nổi trội cho Đá cũ phương Tây, còn mũi nhọn - hình khối tam diện rõ nét nhất ở sơ kỳ Đá cũ vùng An Khê.

Thứ hai, một trong số các vấn đề cơ bản hiện nay là đoán định niên đại cho kỹ nghệ An Khê. Như chúng ta đã biết, các di tích Đá cũ ở vùng An Khê nằm trên thềm cổ nhất sông Ba, thềm này có tuổi sơ kỳ Cánh tân (QI³), cách ngày nay 2,7 triệu đến 1 triệu năm (Bản đồ kỷ Đệ tứ 1:25.000). Có thể xem đây là giới hạn trước của các di tích An Khê. Những công cụ đá ở đây nằm cùng với các mảnh thiên thạch trong tầng văn hóa nguyên vẹn. Những mảnh thiên thạch này có hình giọt nước, bề mặt xù xì, là vật rơi tại chỗ. Nói cách khác, tuổi rơi

thiên thạch chính là tuổi của kỹ nghệ An Khê. Niên đại thiên thạch ở Cheo Reo, cách An Khê gần 100km và cùng trong hệ tầng với An Khê có tuổi 770.000 năm BP. Có thể xem đây là giới hạn sau của di tích.

Về hình thái công cụ, kỹ nghệ An Khê khác và cổ hơn kỹ nghệ Núi Đọ (Thanh Hóa) (có tuổi 0,4 triệu năm), Xuân Lộc (Đồng Nai) (0,6 triệu năm), di chỉ Chongok-ni ở lưu vực sông Imjin (Hàn Quốc) (0,3 triệu năm). Về cơ bản, kỹ nghệ An Khê tương đồng với kỹ nghệ Bách Sắc (Trung Quốc), nơi có niên đại tuyệt đối là 732.000 ± 39.000 năm BP và 803.000 ± 30.000 năm BP. Như vậy, kỹ nghệ An Khê có tuổi trong khung thời gian từ 700.000 đến 900.000 năm BP.

Với kết quả này, chúng ta bổ sung kỹ nghệ An Khê vào bản đồ kỹ nghệ Biface trên thế giới. Trong đó có các di tích ở Châu Âu (có tuổi 0,5-0,6 triệu năm), Ubeidlya (1,4 triệu năm), Gesher Benot Ya'aqov (0,9 triệu năm), nam Arabia (0,4 triệu năm), Turkmenistan Kazakhstan (0,25-0,3 triệu năm), Ấn Độ (0,25-0,3 triệu năm), Isampur, Ấn Độ (1,2 triệu năm), Bori - India) (0,7 triệu năm), nam Ấn Độ (0,4-0,5 triệu năm), Mông Cổ (0,25-0,3 triệu năm), ở Trung Quốc: Pinliang (0,9 triệu năm), Yuanxian (0,9 triệu năm), Lan Điền (0,8-0,6 triệu năm) và Bách Sắc (Trung Quốc) (0,8 triệu năm) [4].

Thứ ba, trong thời gian dài, người ta cho rằng, người sơ kỳ Đá cũ sống lang thang, chưa biết dựng lều để ở. Phát hiện dấu tích kiến trúc trong địa tầng di tích Rộc Tung (gồm những viên đá cuội sông, những mảnh thạch anh đập vỡ, cùng công cụ đá và mảnh thiên thạch tập trung thành một số cụm gần tròn ở chỗ cao nhất của di tích) gợi lại một kiểu kiến trúc lều trại cổ xưa (tôn nền cao

lót đá lều trại, để tránh lây lị trong mùa mưa Tây Nguyên).

Các điểm cư trú ở An Khê (đã tìm thấy một khối lượng lớn các mảnh tước, hạch đá, hòn ghè, đá nguyên liệu, cùng tổ hợp công cụ) gợi ý rằng, nơi đây còn là nơi chế tác công cụ, dạng di chỉ - xưởng. Phát hiện này đã làm thay đổi định đề lâu nay cho rằng, người sơ kỳ Đá cũ chỉ chế tác công cụ đá khi nào cực kỳ cần thiết, và công cụ họ làm ra đều mang tính vạn năng. Thực tế cho thấy, kỹ nghệ đá ở An Khê có nhiều loại, có sự chọn lựa chất liệu đá và cách tạo dáng phù hợp với chức năng công cụ. Có thể chúng đã được sử dụng chặt tre, gỗ, xẻ thịt thú rừng, nạo da, đào đất tìm con mồi để kiếm sống.

Thứ tư, những phát hiện kỹ nghệ Đá cũ An Khê đã làm thay đổi nhận thức về lịch sử vùng đất và đời sống của tổ tiên chúng ta. Con người xuất hiện lúc nào, thì lịch sử được bắt đầu từ đó. Lâu nay, chúng ta lấy thời điểm xuất hiện Người đứng thẳng ở Thẩm Khuyên và Thẩm Hai (Lạng Sơn) cách đây 0,5 triệu năm làm mốc mở đầu cho lịch sử Việt Nam. Với phát hiện di tích Đá cũ An Khê, chúng ta có thêm cơ sở kéo dài hơn lịch sử Việt Nam về phía trước.

Trên thế giới, chủ nhân các nền văn hóa trong khung niên đại từ 1,8 đến 0,2 triệu năm là những Người đứng thẳng (*Homo erectus*), tổ tiên trực tiếp của Người hiện đại (*Homo sapiens*). Và như vậy, vùng thượng lưu sông Ba (Gia Lai) được ghi dấu vào bản đồ thế giới, là một trong những nơi lưu giữ dấu tích văn hóa của tổ tiên loài người - Người đứng thẳng, chủ nhân của kỹ nghệ An Khê và là tổ tiên trực tiếp của người hiện đại.

Trong một thời gian dài, do không có tài liệu, nên nhiều người tin vào đường ranh

giới do H.Movius đề xướng năm 1949 (Movius Line), đối lập văn hóa phương Đông và phương Tây ngay từ sơ kỳ Đá cũ. Theo đó, ở phương Tây phổ biến rìu tay, những kỹ nghệ được làm từ đá trầm tích, có hình dáng cân đối, ghè đẽo quy chuẩn, thể hiện cho sự tiến bộ, năng động của con người; còn phương Đông tồn tại lâu dài kỹ nghệ cuội chopper - chopping, ghè đẽo thô sơ, phụ thuộc vào hình dáng tự nhiên của hòn cuội, thể hiện cho khu vực bảo thủ, trì trệ, lạc hậu và hầu như không có đóng góp gì cho sự tiến bộ của nhân loại. Những phát hiện kỹ nghệ ghè hai mặt và những rìu tay sớm ở An Khê (Việt Nam), Bách Sắc (Trung Quốc) và nhiều nơi khác ở khu vực Châu Á đã bác bỏ quan điểm trên.

Gần nửa thế kỷ qua, đa số ý kiến cho rằng, con người đầu tiên được hình thành ở Châu Phi. Từ đó họ di chuyển sang Châu Âu, rồi Châu Á đem theo kỹ nghệ ghè hai mặt với những chiếc rìu tay. Nhưng ở An Khê, Việt Nam tìm thấy rìu tay sớm, là cơ sở để xem xét lại giả thuyết về quá trình tiến hóa từ người đứng thẳng sang người khôn ngoan trên các châu lục khác nhau, thời gian khác nhau; cũng như để lý giải diễn trình lịch sử văn hóa vùng này trong các giai đoạn tiếp sau sơ kỳ đá cũ.

Công cuộc khai quật nghiên cứu kỹ nghệ công cụ cuội An Khê mới bắt đầu và sẽ được tiếp tục trong nhiều năm nữa theo chương trình hợp tác Việt - Nga. Đã đến lúc chúng ta cần xây dựng một chiến lược quản lý bảo vệ di tích, xây dựng nơi đây thành trung tâm nghiên cứu lịch sử văn hóa nhân loại ở tầm quốc gia và quốc tế, tập hợp đông đảo các nhà khoa học trong và ngoài nước, vừa nghiên cứu, vừa đào tạo chuyên gia, gắn nghiên cứu thuở bình minh của lịch

sử với chương trình phát triển kinh tế xã hội Tây Nguyên.

Chú thích

² Rìu tay (hand axes) là thuật ngữ khảo cổ học để chỉ loại công cụ bằng đá lâu đời nhất trong lịch sử nhân loại (được ghè hai mặt, có một đầu thuôn nhọn và đốc vừa tay cầm, trên hai mặt lớn được ghè loại bỏ vỏ tự nhiên của đá). Rìu được làm từ đá lửa, đá chert hoặc quartzite, đặc trưng cho sơ kỳ Đá cũ. Rìu tay tiêu biểu nhất là ở kỹ nghệ Acheulean (Pháp), được giới khảo cổ công nhận đa chức năng (dùng để săn bắt động vật, xẻ thịt, nạo da, đào đất tìm củ, tìm động vật, chặt cây, róc vỏ cây, ném con mồi và là hạch đá để ghè tách lấy mảnh tước).

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Đăng Kính, Lưu Trần Tiêu (1973), *Những di tích của con người tối cổ trên đất Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Hà Văn Tấn (1973), “Núi Độ với một số vấn đề thời đại đá cũ Việt Nam và Đông Nam Á”, *Những di tích của con người tối cổ trên đất Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Hà Văn Tấn (Chủ biên) (1998), *Khảo cổ học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Mạnh Thắng, Lê Ngọc Hùng, Trần Quang Năm (2015), “Khai quật di chỉ Buôn Kiều, xã Yang Mao, huyện Kroong Bông, Đắk Lắk”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học 2015*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Hoàng Khải Thiện (2003), *Đồ đá cũ Bách Sắc*, Văn vật xuất bản xã, Trung Quốc.
- [6] Phạm Quang Sơn (2011), “Một sưu tập công cụ Đá mới phát hiện ở Định Quán (Đồng Nai)”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học 2011*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

- [7] Nguyễn Khắc Sử (1989), “Núi Độ - tư liệu và thảo luận”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 2.
- [8] Seonbok (2004), “Địa điểm khảo cổ học lưu vực sông Imjin và quá trình chuyển biến từ trung kỳ sang hậu kỳ Đá cũ ở Đông Bắc Á”, *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Khắc Sử, Nguyễn Gia Đồi (2015), “System of the Palaeolithic Locations in the Upper Ba River”, *Vietnam Social Sciences*, No. 4.
- [10] Борисковский П.И. (1966), *Первобытное прошлое Вьетнама*, Москва - Ленинград.
- [11] Bordes, François (1961), “Bifaces des types classiques”, *Typologie du Paléolithique ancien et moyen. Imprimeries Delmas, Bordeaux*. pp.57-66.
- [12] Camps, Gabriel (1981): “Les Bifaces”, *Manuel de recherche préhistorique*, Doin Éditeurs, Paris, p.59.
- [13] Derevianko A.P., N.Kh.Su, A.A. Tsybankov, N.G.Doi (2016), *The origin of bifacial Industry in East and Southeast Asia*, Novosibirsk.
- [14] Guang Mao Xie, Erika. Bodin (2007): *Les industries paléolithiques de bassin de Bose (Chine du Sud)*. In *L'Anthropologie* 111, Nanterre, Cedex, France, pp.182-206..
- [15] Paterson TT, Drummond j.H. (1962), *Soan. The Palaeolithic of Pakistan*, Karachi.
- [16] Saurin E. (1971), “Les Paléolithiques de environs de Xuan Loc”, *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoise*, 46, 1, pp.2-22.
- [17] Simanjuntak,T. (2008), “Acheulean tools in Indonesia Palaeolithic”, *Paper Presented on the International Seminar on Diversity and Variability in the East Asia Paleolithic: Toward an Improved Understanding*, Seoul, Korea, p.421.